

MỘT CÁCH TIẾP CẬN ĐỐI VỚI QUY PHẠM PHÁP LUẬT

TS. NGUYỄN MINH ĐOAN *

Nghiên cứu lí thuyết về quy phạm pháp luật, trong đó có cơ cấu về quy phạm pháp luật có ý nghĩa rất lớn không chỉ về mặt lí luận nhận thức mà còn phục vụ rất thiết thực cho các hoạt động thực tiễn pháp lí như hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoạt động thực hiện và áp dụng pháp luật được chính xác và khoa học. Ngoài ra, nó còn phục vụ việc nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, tạo kĩ năng sống và làm việc theo pháp luật của các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, lí thuyết về quy phạm pháp luật cho đến nay vẫn còn nhiều điều khiến các nhà khoa học lúng túng. Chẳng hạn, về cấu trúc của quy phạm pháp luật trong khoa học pháp lí Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới chưa có sự thống nhất về mặt lí luận. Dưới đây xin trình bày một cách tiếp cận của chúng tôi về vấn đề này.

1. Về khái niệm quy phạm pháp luật

Một trong những thuộc tính cơ bản, quan trọng của pháp luật là tính quy phạm phổ biến, nói cụ thể hơn thì pháp luật luôn là hệ thống các quy phạm pháp luật. Nói đến pháp luật phải nói đến quy phạm pháp luật, thiếu quy phạm thì pháp luật không còn là pháp luật, song "*không phải pháp luật chỉ là các quy phạm*"⁽¹⁾ mà còn nhiều những vấn đề khác nữa trong nội dung pháp luật như các chính sách pháp luật, các nguyên tắc pháp luật và các quy định khác

của pháp luật. Pháp luật trong xã hội hiện đại đã phát triển đến mức cần phải xem xét nó một cách toàn diện hơn, "*theo nghĩa rộng bao gồm pháp luật thực định, hệ thống quy phạm pháp luật cụ thể, hiện hành và những vấn đề có tính khái quát, trừu tượng hơn, thể hiện bản chất của pháp luật và tính định hướng cho cả tương lai tồn tại và phát triển của pháp luật: nguyên tắc, định hướng, mục đích*".⁽²⁾

Với cách tiếp cận như vậy thì không phải tất cả những quy định của pháp luật đều được coi là quy phạm pháp luật, một số quy định của pháp luật không thể coi là quy tắc xử sự được vì chúng "*chưa mang đầy đủ những đặc trưng của một quy phạm pháp luật*"⁽³⁾ khi chúng chỉ nói về một định nghĩa pháp lí nào đó hay xác định một nguyên tắc nào đó cho hành vi chứ không đưa ra quy tắc xử sự chi tiết... Do vậy, cần mở rộng khái niệm pháp luật, không chỉ về mặt lí luận mà cả pháp luật thực định, nghĩa là pháp luật gồm hệ thống các quy định mà chủ yếu là các quy tắc xử sự, do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện thì sẽ đầy đủ và chính xác hơn. Điều này cho thấy các quy định pháp luật có thể là những nguyên tắc pháp lí, những chính sách pháp luật, những quy tắc xử sự và cả những quy định

* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường đại học luật Hà Nội

khác mà nhà nước thấy cần thiết. Từ đó cho thấy chỉ những quy định nào của pháp luật mà là quy tắc xử sự thì được xem là quy phạm pháp luật bởi quy phạm là quy tắc, khuôn mẫu, mệnh lệnh, chuẩn mực để mọi người đối chiếu và lựa chọn cách xử sự phù hợp...⁽⁴⁾

Đời sống cộng đồng của con người đòi hỏi phải đặt ra rất nhiều những quy phạm khác nhau và những quy phạm nào hình thành trong quá trình hoạt động xã hội của con người dùng để điều chỉnh các mối quan hệ giữa người với người thì được gọi là quy phạm xã hội. Trong mỗi quy phạm xã hội thường chỉ ra: Ai? trong những điều kiện, hoàn cảnh nào? sẽ xử sự như thế nào? Trong đời sống cộng đồng xã hội không thể thiếu được các quy phạm xã hội, chúng là những phương tiện để quản lí xã hội, phối hợp ý chí và quy tụ có mục đích hoạt động của từng cá nhân riêng rẽ lại nhằm đạt được những lợi ích và mục đích mong muốn, tạo điều kiện cho xã hội ổn định và phát triển. Trong xã hội có nhiều loại quy phạm xã hội khác nhau cùng được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội như quy phạm đạo đức, quy phạm tập quán, quy phạm của các tổ chức chính trị - xã hội, quy phạm (tín điều) tôn giáo và quy phạm pháp luật. Các quy phạm xã hội khác nhau thì có những đặc tính khác nhau, sự tác động của mỗi loại quy phạm xã hội khác nhau lên các quan hệ xã hội cũng khác nhau.

Quy phạm pháp luật là một loại quy phạm xã hội, vì vậy nó vừa mang đầy đủ những thuộc tính chung của các quy phạm xã hội vừa có những thuộc tính của riêng

minh. Cụ thể là:

- Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự. Với tư cách là quy tắc xử sự, quy phạm pháp luật luôn là khuôn mẫu cho hành vi con người, nó chỉ dẫn cho mọi người cách xử sự (nên hay không nên làm gì hoặc làm như thế nào) trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định. Điều này cũng có nghĩa là quy phạm pháp luật đã xác định cách xử sự và các phạm vi xử sự của con người, kể cả những hậu quả bất lợi gì nếu như không thực hiện đúng hoặc vi phạm chúng.

- Quy phạm pháp luật là tiêu chuẩn để xác định giới hạn và đánh giá hành vi của con người. Không chỉ là khuôn mẫu cho hành vi, quy phạm pháp luật còn là tiêu chuẩn để xác định giới hạn và đánh giá hành vi của các chủ thể tham gia quan hệ mà nó điều chỉnh từ phía nhà nước, từ những người có chức vụ, quyền hạn, từ phía các chủ thể khác về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong xử sự của các bên. Nghĩa là, thông qua quy phạm pháp luật mới biết được hoạt động nào của các chủ thể có ý nghĩa pháp lí, hoạt động nào không có ý nghĩa pháp lí, hoạt động nào phù hợp với pháp luật, hoạt động nào trái pháp luật...

- Quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt ra, thừa nhận hoặc phê chuẩn, do vậy bản chất của chúng trùng với bản chất của pháp luật. Quy phạm pháp luật thể hiện ý chí nhà nước, chúng chứa đựng trong mình những tư tưởng, quan điểm chính trị-pháp lí của nhà nước, của lực lượng cầm quyền trong việc điều chỉnh các quan hệ xã

hội. Nhà nước áp đặt ý chí của mình trong quy phạm pháp luật bằng cách xác định những đối tượng (tổ chức, cá nhân) nào trong những hoàn cảnh, điều kiện nào thì phải chịu sự tác động của pháp luật, những quyền và nghĩa vụ pháp lí mà họ có và cả những biện pháp cưỡng chế nào mà họ buộc phải gánh chịu. Bằng việc chỉ ra các quyền, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của các chủ thể tham gia quan hệ xã hội mà quy phạm pháp luật điều chỉnh tức là nhà nước đã nhận trách nhiệm bảo vệ chúng và bảo đảm cho chúng được thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Thuộc tính do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện là thuộc tính thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa quy phạm pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

- Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung. Quy phạm pháp luật được ban hành không phải cho một tổ chức hay cá nhân cụ thể mà cho tất cả các tổ chức và cá nhân tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Mọi tổ chức, cá nhân ở vào những hoàn cảnh, điều kiện mà quy phạm pháp luật đã quy định đều xử sự thống nhất với nhau. Tuy nhiên, tính chất chung của các quy phạm pháp luật khác nhau thì khác nhau. Chẳng hạn, quy phạm pháp luật hiến pháp thì có liên quan đến mọi tổ chức và cá nhân trong đất nước nhưng quy phạm pháp luật lao động thì chỉ liên quan đến những người quản lí, sử dụng lao động và những người lao động...

Tính chất chung của quy phạm pháp luật còn thể hiện ở chỗ nó được đặt ra không phải chỉ để điều chỉnh quan hệ xã hội cụ thể mà còn để điều chỉnh một quan hệ

xã hội chung, nghĩa là, từng quan hệ xã hội cụ thể bên cạnh những điểm chung thì cũng có rất nhiều những điểm riêng biệt nhưng quy phạm pháp luật đã thống nhất tất cả chúng lại và thiết lập ra quy tắc xử sự có tính chất chung cho tất cả những chủ thể tham gia quan hệ đó. Chẳng hạn, giữa người mua và người bán có thể thiết lập nên rất nhiều quan hệ mua bán cụ thể với những đặc điểm riêng của từng mối quan hệ song tất cả những quan hệ giữa người mua và người bán đều phải tuân theo các quy tắc có tính chất chung đã được quy định trong luật dân sự. Quy phạm pháp luật có thể tác động rất nhiều lần và trong thời gian tương đối dài cho đến khi nó bị thay đổi hoặc bị mất hiệu lực. Nó được sử dụng trong tất cả mọi trường hợp khi xuất hiện những hoàn cảnh, điều kiện đã được dự liệu.

- Quy phạm pháp luật là công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, mà nội dung của nó thường thể hiện hai mặt: Cho phép và bắt buộc, nghĩa là, quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự trong đó chỉ ra các quyền và nghĩa vụ pháp lí của các bên tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Là công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, quy phạm pháp luật thường chứa đựng những chỉ dẫn về khả năng và các phạm vi có thể xử sự cũng như những nghĩa vụ (sự cần thiết phải xử sự) của các bên tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Các quyền và nghĩa vụ được quy phạm pháp luật dự liệu cho các chủ thể tham gia quan hệ mà nó điều chỉnh luôn có sự liên hệ mật thiết với nhau. Hình thức, tính chất của sự liên hệ đó do nhà nước xác định phụ thuộc vào tính chất của chính quan

hệ xã hội đó. Vì vậy, trong cơ chế điều chỉnh pháp luật quy phạm pháp luật có vai trò thực hiện chức năng thông báo của nhà nước đến các chủ thể tham gia quan hệ xã hội về nội dung ý chí, mong muốn của nhà nước để họ biết được cái gì có thể làm, cái gì không được làm, cái gì phải làm, cái gì phải tránh không làm trong những hoàn cảnh, điều kiện nào...

- Quy phạm pháp luật có tính hệ thống. Mỗi quy phạm pháp luật không tác động một cách biệt lập, riêng rẽ mà giữa chúng luôn có sự liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau tạo nên những chỉnh thể thống nhất (hệ thống pháp luật và các bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật) cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội vì sự ổn định và phát triển xã hội. Quy phạm pháp luật của các nhà nước hiện đại chủ yếu là quy phạm pháp luật thành văn, chúng được chứa đựng trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. Số lượng các quy phạm pháp luật của một nhà nước ngày một nhiều hơn và các đối tượng mà chúng tác động cũng ngày càng rộng hơn, trật tự ban hành, áp dụng và bảo vệ chúng ngày càng dân chủ hơn với sự tham gia của đông đảo các thành viên trong xã hội. Nội dung của quy phạm pháp luật ngày càng trở nên chính xác, chặt chẽ, rõ ràng và có tính thống nhất cao.

Tóm lại, quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội nhằm đạt được những mục đích nhất định.

2. Về cấu trúc của quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là hiện tượng pháp lí có tính độc lập tương đối không chỉ ở nội

dung, hình thức thể hiện mà còn ở cấu trúc của nó nữa. Cấu trúc của quy phạm pháp luật chính là những thành phần tạo nên quy phạm có liên quan mật thiết với nhau.

Vấn đề cấu trúc của quy phạm pháp luật là vấn đề còn nhiều tranh cãi, một số nhà khoa học cho rằng quy phạm pháp luật có ba phần (bộ phận) là giả định, quy định và chế tài; số khác lại cho rằng quy phạm pháp luật có hai phần là giả định và quy định hoặc giả định và chế tài⁽⁵⁾; hoặc phân quy tắc và phần bảo đảm⁽⁶⁾...

Chúng tôi xin phép không tranh luận về các quan điểm nêu trên bởi mỗi cách tiếp cận đều có những căn cứ, có những sự hợp lí nhất định của mình mà chỉ xin phép trình bày một cách tiếp cận về cơ cấu của quy phạm pháp luật mà chúng tôi cho là phù hợp hơn cả.

Như chúng ta đều biết quy phạm pháp luật cũng như các quy phạm xã hội khác thường chứa trong nó những câu hỏi: Ai (tổ chức, cá nhân nào)? và khi nào? thì sẽ xử sự như thế nào hoặc hậu quả gì cần phải gánh chịu? Từ cách tiếp cận này chúng tôi cho rằng cấu trúc của quy phạm pháp luật luôn có hai phần: Phần giả định và phần mệnh lệnh.

a. Giả định

Giả định là một phần của quy phạm pháp luật trong đó nêu ra những hoàn cảnh, điều kiện (tình huống) có thể xảy ra trong đời sống xã hội mà quy phạm pháp luật sẽ tác động đối với những chủ thể (tổ chức, cá nhân) nhất định, nói cách khác giả định nêu lên phạm vi tác động của quy phạm pháp luật đối với ai (cá nhân hay tổ chức nào)?

trong những hoàn cảnh, điều kiện nào?

Những hoàn cảnh, điều kiện được nêu ra trong phần giả định của quy phạm pháp luật là vô cùng phong phú. Về hoàn cảnh có thể là những sự kiện liên quan đến hành vi của con người (tham gia giao thông trên đường, cố ý gây thương tích cho người khác...); liên quan đến sự biến (thiên tai, sự sinh, tử...); liên quan đến thời gian (phạm vi áp dụng về thời gian); liên quan đến không gian (phạm vi lãnh thổ áp dụng). Về điều kiện có thể là điều kiện về thời gian (trước, trong hoặc sau một khoảng thời gian nào đó như trong thời gian bảo hành sản phẩm...), điều kiện về không gian (địa điểm xảy ra sự kiện như nơi tội phạm xảy ra...), điều kiện về chủ thể (độ tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch hoặc những đặc tính cá nhân khác như tàn tật, ốm đau, trạng thái thần kinh...) và rất nhiều những điều kiện khác như không nơi nương tựa, điều kiện cứu giúp người khác khi họ đang bị nguy hiểm đến tính mạng... tùy theo hoàn cảnh mà nhà nước quy định về điều kiện đối với chủ thể. Những hoàn cảnh, điều kiện được dự liệu trong phần giả định của các quy phạm pháp luật là những tình huống đã, đang hoặc sẽ có thể xảy ra trong cuộc sống. Chúng có thể được nêu một cách khái quát nhưng cũng có thể được nêu một cách tương đối chi tiết. Tuy nhiên, tất cả chúng đều là những tình huống có tính phổ biến và điển hình cần tới sự tác động, điều chỉnh của pháp luật.

Như vậy, phần giả định của quy phạm pháp luật trả lời cho câu hỏi: Tổ chức, cá nhân nào? trong những hoàn cảnh, điều kiện nào? Thông qua bộ phận giả định của quy

phạm pháp luật chúng ta biết được tổ chức, cá nhân nào? khi ở vào những hoàn cảnh, điều kiện nào? thì chịu sự tác động của quy phạm pháp luật đó. Việc xác định tổ chức, cá nhân nào và những hoàn cảnh, điều kiện nào để tác động là phụ thuộc vào ý chí của nhà nước.

Những chủ thể, hoàn cảnh, điều kiện nêu trong giả định phải rõ ràng, chính xác, sát với tình hình thực tế, tránh tình trạng nêu mập mờ, khó hiểu dẫn đến khả năng không thể hiểu được hoặc hiểu sai lệch nội dung của quy phạm pháp luật. Trong phần giả định nêu phạm vi tác động của quy phạm pháp luật, do vậy, khi xây dựng pháp luật cần phải dự kiến được tới mức tối đa những hoàn cảnh, điều kiện về không gian, thời gian và những điều kiện của chủ thể pháp luật có thể xảy ra trong đời sống thực tế mà trong đó quan hệ xã hội cần phải được điều chỉnh bằng pháp luật. Có làm được như vậy thì những thiếu sót, những "lỗ hổng" trong pháp luật mới có thể giảm bớt và mới có thể hạn chế được việc áp dụng pháp luật theo nguyên tắc tương tự. Chẳng hạn, điều luật quy định: "Cấm những người đang có vợ (chồng) kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác". Phần giả định của quy phạm này được xác định là "những người đang có vợ (chồng)", giả định này đã bỏ qua các chủ thể là những người không có vợ (chồng) nhưng lại kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có vợ (chồng). Trường hợp này lẽ ra phải quy định là: "Cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có vợ (chồng)" thì mới đầy đủ.

Các tổ chức, cá nhân khi thực hiện pháp luật, đặc biệt là khi áp dụng pháp luật cần phải nhận thức thật chính xác xem chủ thể nào chịu sự tác động của quy phạm pháp luật đó. Chẳng hạn, khoản 1 Điều 102 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 quy định: *"Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm"*. Hoàn cảnh ở đây là bất kì "người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng" nhưng chủ thể chịu sự tác động của quy phạm này không phải là tất cả những người trong hoàn cảnh đó mà chỉ gồm những người *"tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết"*. Như vậy, trong cùng một hoàn cảnh nhưng không phải mọi tổ chức hay cá nhân ở vào hoàn cảnh ấy cũng chịu sự tác động của quy phạm đó mà chỉ những chủ thể có liên quan đến phần hai (phần mệnh lệnh) của quy phạm mới chịu sự tác động của quy phạm (chủ thể được, buộc phải thực hiện quy phạm đó hoặc bị áp dụng quy phạm đó).

Giả định của quy phạm pháp luật có thể giản đơn (chỉ nêu một hoàn cảnh, điều kiện hoặc có thể phức tạp (nêu lên nhiều hoàn cảnh, điều kiện). Những hoàn cảnh, điều kiện, chủ thể được nêu trong phần giả định các quy phạm pháp luật có thể được nêu theo cách thống kê nhưng cũng có thể được nêu theo cách loại trừ.

Giả định của quy phạm pháp luật có thể thay đổi do sự thay đổi của các điều kiện

kinh tế, chính trị, xã hội... của đất nước hoặc sự thay đổi của các quan điểm chính trị - pháp lí của nhà nước và sự nhận thức của những người có liên quan tới quá trình xây dựng pháp luật của đất nước.

b. Chi dẫn

Chi dẫn là một phần của quy phạm pháp luật nêu lên những cách xử sự mà các chủ thể có thể hoặc buộc phải thực hiện gắn với những hoàn cảnh, điều kiện đã nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật.

Phần chi dẫn của quy phạm pháp luật được coi là phần cốt lõi của quy phạm, nó thể hiện ý chí của nhà nước đối với các tổ chức hay cá nhân khi xảy ra những hoàn cảnh, điều kiện đã được nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật. Phần chi dẫn của quy phạm pháp luật thường được nêu ở dạng mệnh lệnh như: Cấm, không được, phải, thì, được, có, v.v. Phần chi dẫn của quy phạm pháp luật có tác dụng đưa ra những cách xử sự để các chủ thể thực hiện sao cho phù hợp với ý chí của nhà nước, đó cũng có thể là những thông báo hay cảnh báo cho các chủ thể về các biện pháp mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với họ. Nói cách khác, thông qua phần chi dẫn của quy phạm pháp luật các chủ thể pháp luật mới biết được là nếu như xảy ra những hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật thì họ phải làm gì? được (không được) làm gì? họ sẽ được hưởng những lợi ích gì? hoặc hậu quả bất lợi gì họ phải gánh chịu?

Những chi dẫn của nhà nước được nêu trong quy phạm pháp luật đối với các chủ thể có thể là:

+ Những hành vi (cách xử sự) mà chủ thể được phép hoặc không được phép thực hiện;

+ Những lợi ích hoặc những quyền mà chủ thể được hưởng;

+ Những hành vi (cách xử sự) mà chủ thể buộc phải thực hiện, thậm chí là phải thực hiện chúng như thế nào;

+ Những hậu quả bất lợi mà chủ thể phải gánh chịu như: Không được hưởng một lợi ích hay một quyền nào đó; mất khả năng nào đó; phải khôi phục lại những thiệt hại đã gây ra; chịu sự mất mát nhất định về tự do, tài sản, danh dự, nhân thân, tính mạng...

Như vậy, những chỉ dẫn của nhà nước trong quy phạm pháp luật có thể chia thành hai nhóm:

- Nhóm thứ nhất, thường được gọi là bộ phận quy định của quy phạm pháp luật, trong đó chỉ ra các quyền mà các tổ chức, cá nhân (chủ thể) được hưởng hoặc các nghĩa vụ pháp lí mà họ phải thực hiện mặc dù không phải khi nào thuật ngữ quyền và nghĩa vụ cũng được trực tiếp thể hiện trong lời văn của quy phạm;

Những chỉ dẫn loại này thường trả lời cho câu hỏi: Tổ chức, cá nhân đã nêu ở phần giả định của quy phạm phải làm gì? được làm gì? không được làm gì? làm như thế nào? Những chỉ dẫn của nhà nước trong quy phạm pháp luật có thể chỉ nêu một cách xử sự và các chủ thể buộc phải xử sự theo mà không có sự lựa chọn hoặc có thể nêu ra hai hoặc nhiều cách xử sự và cho phép chủ thể có thể lựa chọn cho mình cách xử sự thích hợp từ những cách đã nêu. Trong một

số trường hợp khác nhà nước còn cho phép các chủ thể có thể tự thoả thuận trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của nhau đồng thời cũng nêu ra cách xử sự buộc các chủ thể phải tuân theo trong trường hợp không thể thoả thuận được với nhau. Ví dụ: Điều 423 Bộ luật dân sự Việt Nam 1995 quy định: "*Chất lượng của vật mua bán do các bên thoả thuận... Khi các bên không có thoả thuận và pháp luật không có quy định về chất lượng thì chất lượng của vật mua bán được xác định theo mục đích sử dụng và chất lượng trung bình của vật cùng loại*".

- Nhóm thứ hai, là những biện pháp bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, trong đó chỉ ra các biện pháp mà các chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng đối với các chủ thể đã được nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật. Những chỉ dẫn loại này thường trả lời cho câu hỏi: Các chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng những biện pháp nào đối với các chủ thể đã được nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật? Còn đối với các chủ thể đã nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật thì nhà nước gián tiếp thông báo hoặc cảnh báo cho họ là nếu họ ở vào những hoàn cảnh, điều kiện như đã nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật thì họ có thể được hưởng những quyền lợi nhất định hoặc phải chịu những hậu quả bất lợi, bị trừng phạt. Từ những thông tin trên các tổ chức, cá nhân biết được cái gì nên làm, cái gì không nên làm, cái gì nên tránh đồng thời có thể giám sát các chủ thể có thẩm quyền xem họ áp dụng pháp luật có đúng không.

Đối với những hành vi mang lại lợi ích

đáng kể cho nhà nước, xã hội, hành vi thực hiện pháp luật chính xác, đầy đủ nhà nước thường chỉ dẫn áp dụng những biện pháp mang tính khuyến khích về lợi ích vật chất, tinh thần hoặc các lợi ích khác để khen thưởng, động viên các tổ chức, cá nhân thực hiện pháp luật ngày một tốt hơn. Chẳng hạn, Điều 95 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 quy định: "*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật*". phần chỉ dẫn ở quy phạm này là: "thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật".

Đối với những hành vi không tuân theo đầy đủ các quy định pháp luật, hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật thì nhà nước thường chỉ dẫn áp dụng những biện pháp bất lợi đối với chủ thể thực hiện hành vi đó. Chẳng hạn, khoản 1 Điều 100 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 quy định: "*Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*". Phần giả định nêu chủ thể chịu sự tác động của quy phạm này là: "Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát". Phần chỉ dẫn cho chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp bất lợi đối với chủ thể đã thực hiện hành vi nêu ở phần giả định của quy phạm là: "Bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

Các biện pháp bất lợi mà nhà nước nêu ra trong phần chỉ dẫn của quy phạm pháp

luật rất đa dạng, nó có thể là:

- Các biện pháp mang tính trừng phạt có liên quan tới trách nhiệm pháp lí. Các biện pháp này thường được gọi là chế tài pháp luật, loại này gồm có: Chế tài hình sự; chế tài hành chính; chế tài kỉ luật; chế tài dân sự.

- Các biện pháp gây cho chủ thể những hậu quả bất lợi như đình chỉ, bãi bỏ các văn bản sai trái của cấp dưới, tuyên bố hợp đồng vô hiệu và các biện pháp khác.

Phần chỉ dẫn của quy phạm có thể quy định chính xác, cụ thể biện pháp tác động sẽ áp dụng đối với chủ thể nhưng cũng có thể không quy định các biện pháp tác động một cách dứt khoát hoặc chỉ quy định mức thấp nhất và mức cao nhất của biện pháp tác động. Việc áp dụng biện pháp nào? mức độ bao nhiêu? là do chủ thể có thẩm quyền áp dụng lựa chọn cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của vụ việc cần áp dụng.

Tóm lại, với cách tiếp cận như trên chúng tôi thấy lí thuyết về quy phạm pháp luật sẽ gần với các điều luật hơn và dễ phân tích hơn về cơ cấu của các quy phạm được thể hiện khác nhau trong các điều luật./

(1).Xem: Lê Minh Tâm, "*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam*", Nxb. Công an nhân dân, H. 2003, tr.10

(2).Xem: Lê Minh Tâm, Sdd, tr. 11.

(3).Xem: Lê Minh Tâm, Sdd, tr. 12.

(4).Xem: "*Giáo trình lí luận chung về nhà nước và pháp luật*", Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, 1998.

(5).Xem: Nguyễn Minh Đuan, "*Bàn thêm về cơ cấu của quy phạm pháp luật*", Tạp chí luật học số 3/2000 tr.17-21.

(6).Xem, Nguyễn Quốc Hoàn, "*Vấn đề cơ cấu của quy phạm pháp luật*", Tạp chí luật học số 2/2004, tr.32-39.